

Điểm giữa kỳ (30%) học phần Tập hợp - Logic (3 đvht) lớp Quận 9 khoá 5.**Danh sách cấm thi:**

- 425 Nguyễn Thị Thanh Hiền
- 440 Lê Thị Loan
- 452 Cao Thị Hồng Nhung
- 453 Phan Tú Oanh
- 488 Trương Võ Thanh Trúc
- 492 Vũ Thị Tuyền
- 498 Phạm Ngọc Hoàng Yến

Bảng điểm cụ thể:

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm	Ghi chú
1	.744	Nguyễn Thị Nguyệt	6	Sáu
2	.410	Phạm Thị Lan Anh	8	Tám
3	.411	Vũ Nguyễn Thiên Anh	9	Chín
4	.413	Trần Vũ Lan Biên	7	Bảy
5	.415	Nguyễn Thị Chi	8	Tám
6	.417	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	8	Tám
7	.418	Nguyễn Tiến Dũng	6	Sáu
8	.419	Phạm Thị Duyên	8	Tám
9	.421	Lê Ngọc Đông	8	Tám
10	.422	Lê Văn Đức	4	Bốn
11	.424	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6	Sáu
12	.425	Nguyễn Thị Thanh Hiền	CT	Cấm thi
13	.427	Võ Thị Thành Hoa	6	Sáu
14	.428	Nguyễn Thị Kim Hương	7	Bảy
15	.429	Phạm Thị Diễm Hương	8	Tám
16	.431	Tô Thị Bích Huyền	7	Bảy
17	.433	Nguyễn Hoàng Lâm	5	Năm
18	.435	Phan Huỳnh Mỹ Lan	9	Chín
19	.436	Huỳnh Thuận Liên	8	Tám
20	.438	Ngô Thị Cẩm Linh	8	Tám
21	.439	Nguyễn Thị Mỹ Linh	7	Bảy
22	.440	Lê Thị Loan	CT	Cấm thi
23	.441	Phạm Thị Trúc Ly	6	Sáu
24	.442	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	5	Năm
25	.443	Nguyễn Thị Ngọc	7	Bảy

		Mẫn		
26	.444	Trần Nguyễn Kim Mai	5	Năm
27	.445	Bùi Thị Hồng Minh	9	Chín
28	.447	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	7	Bảy
29	.448	Bùi Thị Thanh Nga	7	Bảy
30	.449	Đặng Thị Kim Ngân	8	Tám
31	.450	Nguyễn Thị Kim Ngân	7	Bảy
32	.451	Phạm Thị Nhung	6	Sáu
33	.452	Cao Thị Hồng Nhung	CT	Cấm thi
34	.453	Phan Tú Oanh	CT	Cấm thi
35	.455	Nguyễn Thanh Phong	7	Bảy
36	.456	Nguyễn Kim Phụng	6	Sáu
37	.457	Phan Tử Trúc Phương	7	Bảy
38	.458	Vũ Thị Quyên	10	Mười
39	.461	Nguyễn Quỳnh Sương	7	Bảy
40	.463	Trần Thị Tâm	9	Chín
41	.466	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9	Chín
42	.467	Lê Thị Thêm	7	Bảy
43	.468	Nguyễn Ngọc Thi	6	Sáu
44	.469	Nguyễn Minh Thi	5	Năm
45	.470	Lê Thị Thiện	5	Năm
46	.472	Lê Khương Minh Thư	7	Bảy
47	.473	Đào Thị Kim Thoa	8	Tám
48	.474	Phạm Thị Thu	7	Bảy
49	.475	Đặng Thị Thanh Thuận	7	Bảy
50	.476	Phạm Thị Minh Thùy	7	Bảy
51	.480	Trần Thị Thủy Tiên	8	Tám
52	.482	Nguyễn Thị Ngọc Trang	8	Tám
53	.483	Phạm Thị Thùy Trang	9	Chín
54	.484	Mai Anh Cát Trang	5	Năm
55	.486	Tôn Nữ Thị Trinh	9	Chín
56	.487	Nguyễn Thị Thanh Trúc	5	Năm
57	.488	Trương Võ Thanh Trúc	CT	Cấm thi
58	.490	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	7	Bảy
59	.491	Nguyễn Thị Kim Tuyền	7	Bảy
60	.492	Vũ Thị Tuyền	CT	Cấm thi

61	.494	Bùi Thị Bích Tuyền	6	Sáu
62	.496	Nguyễn Thị Thu Tuyết	7	Bảy
63	.497	Nguyễn Thị Thanh Xuân	7	Bảy
64	.498	Phạm Ngọc Hoàng Yên	CT	Cấm thi
65	.500	Nguyễn Hoàng Thiên Ý	7	Bảy
66	.501	Phạm Thị Thu Hằng	8	Tám
67	.502	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	5	Năm
68	.503	Thái Sỹ Hiếu	4	Bốn
69	.504	Trịnh Thị Hồng	7	Bảy
70	.505	Nguyễn Thị Ngọc Mai	6	Sáu
71	.506	Hoàng Thị Lộc	7	Bảy
72	.507	Phạm Thị Mỹ Hiệu	6	Sáu
73	.582	(TB6) Nguyễn Thị Minh Trang	6	Sáu
74	.367	(HM4) Nguyễn Thị Thảo Nguyên	5	Năm
75	.411	(HM4) Nguyễn Thị Quế Trâm	5	Năm